

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ XỬ LÝ NỀN MÓNG TUẤN LINH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ XỬ LÝ NỀN MÓNG TUẤN LINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TUAN LINH CONSTRUCTION AND FOUNDATION TREATED JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TUAN LINH CONSTRUCTION AND FOUNDATION TREATED „JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107898883

**3. Ngày thành lập:** 27/06/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 77 khu tập thể Cao đẳng xây dựng số 1, tổ 12, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                           | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                              | 4653        |
| 2.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                      | 4933        |
| 3.  | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                    | 4932        |
| 4.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                          | 4290        |
| 5.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                   | 4312        |
| 6.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                           | 8230        |
| 7.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                    | 5610        |
| 8.  | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                           | 4210        |
| 9.  | Quảng cáo                                                                           | 7310        |
| 10. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) | 4931        |
| 11. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                     | 4322        |
| 12. | Xây dựng công trình công ích                                                        | 4220        |
| 13. | Lắp đặt hệ thống điện                                                               | 4321        |
| 14. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                      | 4329        |
| 15. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                     | 4659        |
| 16. | Cho thuê xe có động cơ                                                              | 7710        |
| 17. | Xây dựng nhà các loại                                                               | 4100(Chính) |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 18. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh;<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; | 4649 |
| 19. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                                                                                                                                                                                                        | 4661 |
| 20. | Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác                                                                                                                                                                                                                                                                              | 8129 |
| 21. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8130 |
| 22. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7730 |
| 23. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;                                                                                                                                                                                | 8299 |
| 24. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4511 |
| 25. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4390 |
| 26. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: - Dịch vụ hỗ trợ thư ký;<br>- Bản ghi tài liệu và dịch vụ thư ký khác;<br>- Cung cấp dịch vụ thuê hộp thư thoại và dịch vụ chuyển phát thư khác (trừ quảng cáo thư trực tiếp);<br>- Dịch vụ gửi thư.                                           | 4663 |
| 27. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4652 |
| 28. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn sắt thép                                                                                                                                                                                                                                                  | 4662 |
| 29. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                | 4752 |
| 30. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5210 |
| 31. | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 1811 |
| 32. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1812 |
| 33. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)                                                                                                                                                                                                       | 5621 |
| 34. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4633 |
| 35. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                         | 4753 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 36. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: - Thiết kế kiến trúc công trình;<br>- Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan;<br>- Thiết kế kết cấu công trình;<br>- Thiết kế điện - cơ điện công trình;<br>- Thiết kế cấp - thoát nước;<br>- Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt;<br>- Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng;<br>- Thiết kế phòng cháy - chữa cháy;<br>- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện;<br>- Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình;<br>- Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ;<br>- Tư vấn quản lý dự án<br>- Giám sát thi công xây dựng, kiểm định xây dựng<br>- Lập thẩm tra dự án đầu tư xây dựng | 7110 |
| 37. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4759 |
| 38. | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4730 |
| 39. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 8121 |
| 40. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4311 |
| 41. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4330 |
| 42. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Trang trí nội thất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7410 |
| 43. | Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 2396 |
| 44. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5629 |
| 45. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5630 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.368.000.000 VNĐ  
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                 | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN ĐỨC THẮNG | Số 9B tập thể Trường Cao đẳng Xây dựng số 1, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 41.040     | 410.400.000           | 30,000    | 017191422                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                                      | Tổng số           | 41.040     | 410.400.000           | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN ĐỨC THÀNH | Xóm Trung Thành 1, Xã Việt Hùng, Huyện Trục Ninh, Tỉnh Nam Định, Việt Nam                            | Cổ phần phổ thông | 41.040     | 410.400.000           | 30,000    | 036089001687                                                                                |         |
|     |                  |                                                                                                      | Tổng số           | 41.040     | 410.400.000           | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN NGỌC LÝ   | Số 77 tổ dân phố 12, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                         | Cổ phần phổ thông | 54.720     | 547.200.000           | 40,000    | 017390440                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                                      | Tổng số           | 54.720     | 547.200.000           | 40,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN NGỌC LÝ

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 14/09/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 017390440

Ngày cấp: 02/08/2012

Nơi cấp: Công an Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 77 tổ dân phố 12, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 77 khu tập thể Cao đẳng xây dựng số 1, tổ 12, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội